TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210 /2024/DS-PT
Ngày: 12/9/ 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Hồng Hà**

Ông **Đặng Văn Lộc**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Chiếm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Bà **Trần Ngọc Bích** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 235/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 290/2024/QĐ- PT ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Yến L**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số H, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: số B, đường B, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ: có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1983. Địa chỉ: số E, P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2024): có mặt

Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long: có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn **Phạm Yến L**

Người làm chứng: Ông Thạch Sầm A, sinh năm 1984. Địa chỉ: khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Yến L và người đại diện hợp pháp trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Ngọc T có sự quen biết nên ngày 05/01/2022, chị L có cho bà T vay số tiền 5.934.920.000 đồng theo hai giấy vay tiền: Giấy vay tiền ngày 05/01/2022, số tiền 2.634.920.000 đồng và Giấy vay tiền cùng ngày 05/01/2022, số tiền 3.300.000.000 đồng. Bà T nhận đủ số tiền nói trên ngay sau khi ký biên nhận và cam kết trong thời hạn 03 tháng trả lại cho chị L số tiền gốc theo hai giấy vay tiền nói trên.

Khi đến hạn, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả lại cho chị L tiền gốc và tiền lãi theo nội dung thỏa thuận tại Giấy vay tiền ngày 05/01/2022 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho chị L số tiền gốc theo hai biên nhận vay tiền ngày 05/01/2022 tổng cộng: 5.934.290.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/01/2022 đến ngày 05/5/2023 là 16 tháng, lãi suất 12%/năm: 5.934.920.000 đồng x 16 tháng x 1% = 949.587.200 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Khoảng tháng 6/2020, bà có vay của chị L 02 lần, lần đầu 20.000.000 đồng, lần sau 30.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần bằng 50.000.000 đồng, bà T có ký biên nhận tiền của chị L tại chùa S và không có giữ biên nhận. Lúc giao tiền có ông Trụ trì chùa S biết. Bà có đóng lãi cho chị L được khoảng 03 tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Việc chị L nộp cho Tòa án 02 biên nhận cùng ngày 05/01/2022 thì chữ ký trong 02 biên nhận không phải của bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T1 thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Ngọc T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Yến L.

1. Buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho chị Phạm Yến L số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Yến L về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc T trả số tiền vốn gốc 5.884.920.000 đồng và tiền lãi 765.039.600 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, nguyên đơn có đơn kháng cáo: yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: từ năm 2019, nguyên đơn có cho bị đơn vay tiền nhiều lần đến ngày 05/01/2022 được tổng hợp lại thành 02 biên nhận cùng ngày. Trong đó, số tiền 2.634.920.000 đồng là tổng hợp của các khoản nợ do chuyển khoản và tiền mặt theo bản tường trình ngày 12/9/2024 với 04 biên nhận mượn tiền và các bản sao kê của ngân hàng. Quá trình giao nhận tiền, có trường hợp chị L đã giao tiền nhờ sư cả giao lại cho bà T. Còn số tiền 3.300.000.000 đồng thì giao tiền mặt tại chùa S, có ông Thạch Sầm A và sư cả chùa S biết. Do tính trùng lắp số tiền nên nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu gốc lãi đến thời điểm xét xử phúc thẩm là 6.924.086.168 đồng. Chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo là 02 biên nhận tổng hợp do bà T ký, bản khai và bản sao kê của ngân hàng.

Bị đơn Nguyễn Ngọc T trình bày: Thừa nhận sư cả chùa S tên là Sơn B có biết số tiền chị L cho mượn do thấy hoàn cảnh gia đình của bị đơn khó khăn nên sư cả đứng ra nói giúp. Thực tế bà T chỉ vay của chị L số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng đóng từ tháng 4/2020 đến khi có dịch covid 19. Chị L cho vay với hình thức tín dụng đen, lãi suất cao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình chứng cứ mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết mà cấp phúc thẩm không thực hiện được nên áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Phạm Yến L là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp chứng cứ mới là 04 văn bản nhận tiền cùng bản sao kê của ngân hàng thể hiện giao dịch dân sự vay tài sản là tiền nhưng bị đơn không thừa nhận. Đồng thời, các đương sự cùng trình bày việc giao dịch vay tiền còn có sự chứng kiến của sư cả trụ trì Chùa S. Nguyên đơn còn trình bày, có trường hợp chị L đã giao tiền cho trụ trì Chùa S để giao lại cho bà T. Đây là các tình tiết phát sinh tại cấp phúc thẩm có liên quan việc triệu tập người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ chứng minh cho việc vay tiền, xác định số tiền thực sự đã giao dịch và làm rõ giá trị chứng minh của các tài liệu, chứng cứ chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết mà tại cấp phúc thẩm, không thực hiện bổ sung được.

[3] Do vậy, để bảo đảm các nguyên tắc xét xử, thực hiện việc thu thập chứng cứ và chứng minh được đầy đủ, cần phải hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án được quy định tại khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, do hủy bản án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị kiểm sát viên về việc hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn, chị Phạm Yến L với bị đơn, bà Nguyễn Ngọc T.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Phạm Yến L không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Phạm Yến L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0012514 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND thị xã Bình Minh;
- VKSND thị xã Bình Minh;
- CCTHADS thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lâm Triệu Hữu